

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 7 năm 2022
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
- * **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Nguyễn Lâm Giang.
 2. Ông Nguyễn Văn Kiểm.
- * **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.
- * **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1977(Có mặt)

Cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cư trú: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 19/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Hoàng Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị T kết hôn ngày 14/2/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là xã Đ), huyện Đ, tỉnh T. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, anh và chị T về chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa anh và chị T bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng anh đã ly thân từ ngày 08/5/2018 đến nay, không quan tâm

chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng và gia đình không hòa giải đoàn tụ được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị T.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị T.

* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị T. Tại phiên tòa, chị Trần Thị T vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2022, ông Vũ Văn N – Trưởng thôn H, xã Q cho biết: Chị Trần Thị T là công dân địa phương. Anh T kết hôn với chị T năm 2017, sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị T về ở với bố mẹ đẻ anh T. Quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị T phát sinh mâu thuẫn trong quan điểm sống. Anh T, chị T đã sống ly thân nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 01 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Trần Thị T.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với chị TrẦN Thị Thúy nhưng vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Hoàng Văn T và chị Trần Thị T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là xã Đ), huyện Đ, tỉnh T, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến ngày 08/5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau, nguyên nhân do vợ chồng anh T, chị T bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa anh T, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Cần chấp nhận yêu cầu cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Trần Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị T không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Anh Hoàng Văn T, chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Trần Thị T.
2. Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Trần Thị T không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0011618 ngày 26/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Anh Hoàng Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương

